

Số: 99 /BC-STNMT

Phú Yên, ngày 24 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO
Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và
tình hình hoạt động khoáng sản năm 2016

Căn cứ điểm b, khoản 4, Điều 7 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Sở Tài nguyên và Môi trường Phú Yên báo cáo định kỳ công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản năm 2016 như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản:

1.1. Xây dựng văn bản pháp luật về khoáng sản:

Tham mưu UBND Tỉnh ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 04/4/2016 về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động khai thác, sản xuất đá chế viên trên địa bàn Tỉnh.

1.2. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản:

Tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức về Tài nguyên và Môi trường (trong đó có lĩnh vực khoáng sản) cho cán bộ địa chính cấp xã quản lý về xây dựng, môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đăng tải và cập nhật các văn bản liên quan lĩnh vực khoáng sản của Trung ương, địa phương khi được ban hành tại Website của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo đến Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản biết, thực hiện.

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản

2.1. Công tác lập quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Công thương đã phối hợp với các Sở, ngành và địa phương liên quan của Tỉnh lập và tham mưu UBND Tỉnh ban hành:

- Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường và than bùn trên địa bàn Tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với 67 mỏ đá xây dựng; 67 mỏ đất, cát san lấp; 54 mỏ cát xây dựng; 20 mỏ sét gạch ngói và 06 mỏ than bùn.

- Quyết định số 3249/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và định hướng

đến năm 2030 (trừ khoáng sản làm VLXD thông thường và nguyên liệu sản xuất xi măng). Trong đó: 01 vàng, 27 đá ốp lát, 01 sét bentonit, 02 diatomit, 01 fenspat và 01 bauxit.

2.2. Công tác khoanh định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản:

Thực hiện ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2393/TTg-KTN ngày 02/12/2014; UBND Tỉnh đã phê duyệt dự án khoanh định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn Tỉnh tại Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 25/12/2014. Theo đó, tổng diện tích khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản toàn Tỉnh 158.299,23 ha gồm 696 vị trí, tiểu khu và tuyến. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức Hội nghị phổ biến và hoàn tất hồ sơ, tài liệu giao nộp Dự án trên cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Công tác khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ:

Trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ của các đơn vị hoạt động khoáng sản; năm 2015, đã tham mưu UBND Tỉnh đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố 03 khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ (đá ốp lát) tại Quyết định số 239/QĐ-BTNMT ngày 30/01/2015 và Quyết định số 2038/QĐ-BTNMT ngày 12/8/2015. Đến nay, tổng số khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ trên địa bàn Tỉnh được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, công bố là 05, gồm: 02 điểm vàng gốc và 03 điểm đá ốp lát.

Năm 2016, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thu thập tài liệu về địa chất, khoáng sản các khu vực khoáng sản trên địa bàn Tỉnh, kiểm tra thực địa 07 khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ (đá ốp lát) và đã tham mưu UBND Tỉnh đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, ủy quyền UBND Tỉnh cho phép và hướng dẫn Doanh nghiệp đánh giá tài nguyên dự tính 07 điểm đá ốp lát nêu trên bằng nguồn vốn của Doanh nghiệp (Công văn số 630/UBND-ĐTĐ ngày 16/02/2017 của UBND Tỉnh).

2.4. Công tác khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Đến nay, UBND Tỉnh đã ban hành 03 Quyết định phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn Tỉnh với 213 khu vực tại Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 20/6/2014; Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 và Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 02/6/2016.

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

3.1. Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; trên cơ sở các quy hoạch đã được phê duyệt và kết quả kiểm tra thực địa, khoanh định các khu vực dự kiến đấu giá quyền khai thác khoáng sản; năm 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND Tỉnh ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn Tỉnh với 02 điểm mỏ (tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/01/2015); đã thông báo công khai và đăng tải Kế hoạch trên Website của Sở; tuy nhiên, đến nay chưa có tổ chức, cá nhân nào có nhu cầu nên chưa triển khai việc đấu giá.

Hiện nay, một số một số quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ đã được điều chỉnh bởi Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Sở Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu, rà soát, cập nhật những nội dung mới và đã dự thảo Quy chế, Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn Tỉnh, đang lấy ý kiến các Sở, ngành và địa phương liên quan trước khi trình UBND Tỉnh xem xét, phê duyệt. Dự kiến hoàn thành trong quý II/2017.

3.2. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

Năm 2016, tham mưu UBND Tỉnh cấp 28 Giấy phép thăm dò và 19 giấy phép khai thác khoáng sản.

(Có Danh sách Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản được tổng hợp tại phụ lục 1 và phụ lục 2 kèm theo Báo cáo).

3.3. Công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Tham mưu và được UBND Tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 18 mỏ với tổng số tiền 19.410.817.500 đồng; trong đó số tiền đã nộp 4.481.061.950 đồng, số tiền tiếp tục nộp: 14.929.755.550 đồng.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

4.1. Thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản:

Phối hợp với Cục kiểm soát hoạt động khoáng sản Miền Trung kiểm tra tình hình nạo vét, khơi thông luồng lạch, bến cảng kết hợp thu hồi sản phẩm cát, sỏi trên địa bàn Tỉnh.

Tham gia đoàn kiểm tra của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam thanh tra tình hình quản lý, khai thác, sử dụng đá ốp lát tại tỉnh Phú Yên (theo Quyết định số 476/QĐ-ĐCKS ngày 08/6/2016 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam).

Phối hợp Sở Xây dựng kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khai thác, sản xuất, chế biến khoáng sản làm VLXD thông thường đối với 22 Doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh với 23 mỏ.

Ngoài ra, thường xuyên phối hợp với Phòng Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường – Công an Tỉnh; các Sở, ngành và địa phương liên quan kiểm tra, đơn đốc các đơn vị đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường đối với các mỏ đã hết hiệu lực; hậu kiểm việc thực hiện Giấy phép và kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, không phép tại nhiều địa phương trên địa bàn Tỉnh.

4.2. Xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực khoáng sản:

Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với 05 trường hợp vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản, chủ yếu là khai thác khoáng sản khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, khai thác ngoài vị trí cấp

phép với số tiền 54.000.000 đồng; nhìn chung, các đơn vị đã chấp hành nộp phạt và khắc phục hậu quả theo quy định.

5. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại

5.1. Đánh giá chung:

Từ khi có Luật Khoáng sản 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn Tỉnh sớm đi vào nề nếp: Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên khoáng sản luôn được chú trọng tổ chức thường xuyên; mối quan hệ giữa cơ quan quản lý chuyên ngành với các địa phương ngày càng chặt chẽ đã góp phần quan trọng trong công tác quản lý và hoạt động khoáng sản trên địa bàn Tỉnh. Quy hoạch khoáng sản của Trung ương và địa phương được xây dựng, phê duyệt kịp thời nên thuận lợi trong công tác thụ lý hồ sơ hoạt động khoáng sản.

Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản được triển khai thường xuyên theo định kỳ và đột xuất; đã nhắc nhở, uốn nắn kịp thời những sai phạm trong khai thác khoáng sản, từ đó các đơn vị tự nhận thấy sai phạm mà khắc phục sửa chữa, tạo được sự đồng thuận giữa cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị hoạt động khoáng sản; đối với các đơn vị cố tình vi phạm thì kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị hoạt động khoáng sản cơ bản thực hiện đúng, dù theo nội dung giấy phép được cấp và các quy định hiện hành; luôn áp dụng công nghệ tiên tiến vào công tác thăm dò, khai thác khoáng sản; việc khai thác khoáng sản gắn với chế biến tạo ra sản phẩm đạt chất lượng, phù hợp với tiềm năng của từng loại khoáng sản. Công tác thăm dò, khai thác khoáng sản luôn gắn với bảo vệ môi trường và an toàn lao động.

Đội ngũ làm công tác quản lý nhà nước về khoáng sản từng bước được xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng với tình hình thực tế ở địa phương.

5.2. Những tồn tại, hạn chế:

Tính “đột phá” của Luật Khoáng sản năm 2010 là sự thay đổi cơ bản cơ chế quản lý về khoáng sản, tuy đã có hiệu lực từ ngày 01/7/2011 nhưng một số nội dung của các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chưa ban hành kịp thời, đồng bộ và cụ thể: chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường còn bất cập nên khi đưa Luật vào cuộc sống còn một số tồn tại, hạn chế.

- Công tác điều tra cơ bản về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Tỉnh chưa phủ khắp; mức độ điều tra chưa chi tiết nên số liệu đánh giá độ tin cậy chưa cao; kinh phí đầu tư cho công tác điều tra cơ bản, đánh giá trữ lượng khoáng sản còn hạn chế.

- Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản được triển khai thường xuyên, nhưng tình hình khai thác khoáng sản không có giấy phép hoặc trái phép tại một số địa phương vẫn diễn ra; một số chính quyền địa phương vì lợi ích cục bộ cho phép các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không đúng thẩm quyền, công tác phối hợp hậu kiểm của các cơ quan chức năng có lúc, có nơi chưa thường xuyên, thiếu kiên quyết và chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành.

- Kinh phí hỗ trợ, thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn hạn chế nên số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia, hưởng ứng hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật chưa nhiều; đội ngũ cán bộ đủ năng lực, chuyên môn thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn hạn chế...

- Nghĩa vụ nộp các khoản thuế cho Nhà nước chỉ dựa trên sản lượng do doanh nghiệp khai thác khoáng sản tự kê khai; sản lượng này thường không đúng với sản lượng khai thác thực tế nên thất thoát nguồn thu ngân sách. Cấp huyện, thiếu kinh phí đầu tư phương tiện, thiết bị, ... nên hoạt động thanh tra, kiểm tra các hoạt động khoáng sản chưa đạt kết quả đề ra; cán bộ quản lý về khoáng sản cấp huyện, xã còn kiêm nhiệm, chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản.

- Theo Điều 6, Thông tư số 12/2013/TT-BTNMT ngày 05/6/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản quy định "*Tổ chức, cá nhân giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản được cấp "Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản". Giấy xác nhận cho tổ chức, cá nhân giao nộp báo cáo địa chất có giá trị để xác định việc hoàn thành nhiệm vụ và là một trong các điều kiện để chuyển giai đoạn hoạt động khoáng sản tiếp theo*". Quy định này, có nghĩa là để hoàn tất hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản thì phải có Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu về địa chất, khoáng sản của Trung tâm Thông tin lưu trữ Địa chất thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Theo thống kê thời gian từ khi đề nghị cấp phép thăm dò đến khi được giấy phép khai thác phải mất khoảng 18 tháng (*thời gian này không tính thời gian trả lại hồ sơ để chỉnh sửa, bổ sung*); do đó, quy định này sẽ làm kéo dài thời gian cấp phép và tăng chi phí đầu tư đối với các mỏ cát, sỏi, đất, cát san lấp quy mô nhỏ.

- Do tài liệu điều tra cơ bản về khoáng sản phục vụ khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (tại Điều 29 của Luật Khoáng sản năm 2010) được điều tra ở giai đoạn trước, nên khi công bố khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thì không phù hợp với thực tế hiện nay, ảnh hưởng rất lớn đến kết cấu hạ tầng và các quy hoạch của địa phương.

- Về khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ

Tại khoản 3, Điều 11 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản quy định "*Căn cứ thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ*" và tại điểm b, khoản 2 Điều này quy định "*Khoáng sản đã phát hiện phân bố độc lập có trữ lượng hoặc tài nguyên dự tính thuộc quy mô nhỏ... quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này*".

Quy định trên, có nghĩa là để Bộ Tài nguyên và Môi trường có cơ sở khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thì điều tiên quyết điểm khoáng sản đó đã được đánh giá trữ lượng hoặc tài nguyên thuộc quy mô nhỏ phù

hợp theo Phụ lục của Nghị định; quy định này chỉ phù hợp đối với các điểm khoáng sản đã được điều tra cơ bản về địa chất nhưng chưa phù hợp với các điểm khoáng sản mới phát hiện, chưa được điều tra đánh giá.

Đối với địa phương, việc quản lý các điểm khoáng sản khai thác không có giấy phép sau kiểm tra, thanh tra là vấn đề cần thiết; tại khoản 2, Điều 82 Luật Khoáng sản năm 2010 quy định “ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản”; quy định này, có nghĩa là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ sau khi đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố.

Vấn đề này rất khó khăn đối với UBND cấp tỉnh khi đánh giá trữ lượng hoặc cấp tài nguyên các điểm khoáng sản mới phát hiện để lập hồ sơ đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; bởi vì, UBND cấp tỉnh không có thẩm quyền cấp phép thăm dò đối với các loại hình khoáng sản này, nên không đánh giá được trữ lượng hoặc tài nguyên dự tính được.

- Do đặc điểm cát, sỏi lòng sông biến đổi hàng năm, sau mùa lũ nên thiết kế khai thác mỏ hầu hết không phù hợp với hiện trạng của mỏ; vì thế, khó khăn trong công tác thanh, kiểm tra.

- Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khai thác khoáng sản, doanh nghiệp phải lập phương án trồng rừng thay thế. Quy định này rất khó khăn cho doanh nghiệp, bởi vì việc thu hồi đất rừng để thực hiện dự án khai thác khoáng sản chỉ mang tính tạm thời, không mang tính vĩnh viễn;

Tùy theo mục đích sử dụng, địa phương có thể yêu cầu diện tích kết thúc khai thác khoáng sản trồng lại rừng hoặc không trồng rừng; nếu không trồng rừng để sử dụng vào mục đích khác thì việc trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT là phù hợp. Hầu hết, các dự án khai thác khoáng sản đều triển khai trên đất có rừng, khi kết thúc khai thác, doanh nghiệp sẽ hoàn thổ và trồng lại rừng (thể hiện trong Đề án cải tạo phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt); các dự án này, nếu phải trồng rừng thay thế có nghĩa là doanh nghiệp phải trồng 02 lần rừng (01 lần trồng nơi khác và 01 lần trồng nơi khai thác).

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Công tác thăm dò khoáng sản

Năm 2016, UBND Tỉnh cấp 28 giấy phép thăm dò khoáng sản; tổng số giấy phép và hoạt động thăm dò khoáng sản đã triển khai trong năm là 37 (09 giấy phép năm 2015 chuyển sang); đến nay, có 13 giấy phép thăm dò khoáng sản, đã báo cáo kết quả thăm

phép thăm dò khoáng sản, đã báo cáo kết quả thăm dò và được UBND Tỉnh phê duyệt trữ lượng (*Kết quả công tác thăm dò khoáng sản được tổng hợp tại phụ lục số 03 kèm theo Báo cáo*).

Các đơn vị thăm dò khoáng sản triển khai công tác thăm dò đúng theo giấy phép và đề án thăm dò đã được phê duyệt; kết quả thăm dò khoáng sản được thẩm định thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật. Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và các chuyên gia địa chất, Sở tổng hợp, tham mưu UBND Tỉnh phê duyệt trữ lượng.

2. Công tác khai thác khoáng sản

Năm 2016, UBND Tỉnh cấp 19 giấy phép khai thác khoáng sản. Tổng số giấy phép khai thác khoáng sản đã triển khai hoạt động trong năm là 48 giấy phép; trong đó: 06 giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường và 42 giấy phép của UBND Tỉnh (*Kết quả công tác khai thác khoáng sản được tổng hợp tại phụ lục số 04 kèm theo Báo cáo*).

3. Khó khăn, tồn tại của Doanh nghiệp:

Một số doanh nghiệp chưa đủ mạnh để đầu tư vốn hoạt động khoáng sản, vì thế chỉ khai thác dạng đá lẫn, chưa chú trọng vào đá gốc nên quy mô còn nhỏ lẻ, hiệu quả chưa cao; công nghệ khai thác còn lạc hậu, vì thế chưa tận thu triệt để, còn lãng phí tài nguyên.

Trong quá trình khai thác, một số doanh nghiệp thực hiện không đúng hoặc không đủ theo nội dung Giấy phép khai thác, nhất là việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ; hầu hết các doanh nghiệp khai thác đá bỏ nhiệm giám đốc điều hành mỏ theo chứng chỉ được bồi dưỡng, đào tạo do các cơ quan có chức năng cấp, ít doanh nghiệp bỏ nhiệm giám đốc điều hành mỏ theo đúng tiêu chuẩn quy định.

Một ít doanh nghiệp vì lợi nhuận mà trong quá trình khai thác chưa chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, nên hiện nay một số nơi xảy ra ảnh hưởng bụi, tiếng ồn và gây hư hại kết cấu hạ tầng giao thông và chưa thực hiện tốt công tác ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản:

Tổng số tiền đã thực hiện: 21.211.650.020 đồng, trong đó: Thuế tài nguyên: 4.863.808.319 đồng; phí bảo vệ môi trường: 1.347.841.701 đồng; tiền ký quỹ phục hồi môi trường: 15.000.000.000 đồng.

5. Tình hình thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng nơi khai thác khoáng sản:

Nhìn chung, các đơn vị hoạt động khoáng sản đều có ý thức thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng nơi khai thác khoáng sản, tạo sự đồng thuận cao của người dân địa phương như việc bồi thường, hỗ trợ các cá nhân đang sử dụng đất để thực hiện dự án khai thác khoáng sản; xây dựng, tu bổ đường giao thông liên thôn, xã; xây dựng trường học, nhà trẻ ... tại địa phương nơi khai thác.

Trong quá trình khai thác các đơn vị tuân thủ thực hiện bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án cải tạo.

phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đóng cửa mỏ phục hồi môi trường sau khai thác; thực hiện nghĩa vụ tài chính như thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường. Các nguồn thu này được nộp tại địa phương nơi khai thác khoáng sản làm cơ sở để thực hiện việc bảo vệ, khắc phục các hậu quả, rủi ro về môi trường do hoạt động khoáng sản gây ra.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Để đưa công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản đi vào nề nếp, phù hợp với thực tế của địa phương; kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Cần quan tâm đầu tư công tác điều tra cơ bản về tài nguyên khoáng sản, để làm cơ sở vững chắc định hướng phát triển nền công nghiệp khoáng sản trên địa bàn Tỉnh dân đi vào chiều sâu; tăng cường biên chế chuyên môn về địa chất, khoáng sản cho cán bộ làm công tác quản lý khoáng sản ở cấp huyện, xã.

- Công tác lập, thẩm định thiết kế khai thác mỏ cát, sỏi lòng sông nên có quy định, hướng dẫn riêng. Các mỏ có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ sớm bàn giao để địa phương quản lý, cấp phép và có cơ sở điều chỉnh quy hoạch khoáng sản của Tỉnh phù hợp theo Luật Khoáng sản; các điểm khoáng sản mới phát hiện, căn cứ thực tế tại địa phương, cho phép Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đánh giá sơ bộ trữ lượng hoặc tài nguyên của điểm khoáng sản, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét.

Trên đây, là kết quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, tình hình hoạt động khoáng sản năm 2016 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. /

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- UBND Tỉnh;
- Các Sở: CT, XD;
- GD, các Phó GD;
- Lưu: VT, KS, Dưks(10b).



GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ

Mai Kim Lộc

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN(Kèm theo Báo cáo số: ~~9~~ /BC-STNMT ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực thăm dò	Diện tích thăm dò (ha, km ²)	Ghi chú
I	Giấy phép Bộ cấp: 0						
II	Giấy phép Tỉnh cấp: 28						
1	Số 04/GP-UBND	11/01/2016	Đá VLXD TT	Công ty cổ phần Quản lý và sửa chữa đường bộ Phú Yên	Thôn Tân Lập, xã An Thọ, huyện Tuy An	4,0	Cấp mới
2	Số 05/GP-UBND	01/02/2016	Đá VLXD TT	Công ty cổ phần 3.2	Thôn Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An	4,0	Cấp mới
3	Số 09/GP-UBND	17/02/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Khai thác cát Hùng Hưng	Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa	1,0	Cấp mới
4	Số 10/GP-UBND	17/02/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH XD TM DV Phục Hưng	Thôn hòa Phú, xã Xuân Hòa, thị xã Sông Cầu	2,1	Cấp mới
5	Số 11/GP-UBND	29/02/2016	Cát VLXD TT	DNTN Vận tải - Xây dựng Hồng Nguyên	Thôn Hà Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh	2,0	Cấp mới
6	Số 19/GP-UBND	24/5/2016	Đá VLXD TT	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Dầu khí Vũng Rô	Thôn Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An	13,4	Cấp mới
7	Số 26/GP-UBND	21/6/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Xây dựng Đông Kha	Thôn Phước Lộc, xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân	0,75	Cấp mới
8	Số 27/GP-UBND	21/6/2016	Đá VLXD TT	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 1.5	Thôn Phước Hòa, xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân	0,84	Gia hạn
9	Số 28/GP-UBND	ngày 23/6/2016	Đá VLXD TT	Công ty cổ phần Đầu tư du lịch sinh thái Phú Yên	thôn Lương Phước, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa	8,0	Cấp mới
10	Số 29/GP-UBND	30/6/2016	Đá ốp lát	Công ty TNHH XNK Thành Châu	Xã Đa Lộc, huyện Đồng Xuân	5,0	Cấp mới
11	Số 34/GP-UBND	26/7/2016	Cát VLXD TT	HITX Khai thác VLXD TT Đồng Xuân	Thôn Tân Phước, xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đồng Xuân	1,0	Cấp mới
12	Số 36/GP-UBND	16/8/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Bình An Phú Yên	Thôn Đông Bình, xã Hòa An, huyện	2,0	Cấp mới
13	Số 37/GP-UBND	16/8/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Xây dựng Việt Phát Đạt	Suối Cây Đu, thôn Bình Nông, xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu	0,88	Cấp mới



14	Số 43/GP-UBND	05/9/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Cát Thiên Phúc	Thôn Mỹ Thạnh Tây, xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa	2,0	Cấp mới
15	Số 46/GP-UBND	03/10/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bảo Hiệp	Thôn Mỹ Long, xã An Dân, huyện Tuy An	2,0	Cấp mới
16	Số 48/GP-UBND	05/10/2016	Đá VLXD TT	Công ty cổ phần Xây dựng Dịch vụ Gia Phú	Thôn Lương Sơn, xã Sơn Xuân, huyện Sơn Hòa	2,5	Cấp mới
17	Số 51/GP-UBND	12/10/2016	Cát VLXD TT	DNTN Sỹ Hoa	Thôn Hà Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh	5,0	Cấp mới
18	Số 57/GP-UBND	25/10/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Đầu tư BT Phú Yên Gia Lai	Thôn Phú Giang, xã Phú Mỹ, huyện Đồng Xuân	3,6	Cấp mới
19	Số 62/GP-UBND	08/11/2016	Đất san lấp	DNTN Xi nghiệp Xây dựng Hưng Thịnh	Núi Hòn Một, thôn Thọ Vực, xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	5,0	Cấp mới
20	Số 67/GP-UBND	21/11/2016	Cát VLXD TT	Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Vĩ Đạt	Thôn Phú Lễ, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa	3,0	Cấp mới
21	Số 72/GP-UBND	02/12/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phú Hòa	Thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa	2,0	Cấp mới
22	Số 73/GP-UBND	05/12/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Xây dựng Công trình Khai khoáng Minh Thành	Thôn Phước Lộc 2, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa	3,0	Cấp mới
23	Số 74/GP-UBND	05/12/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại Phúc Trần	Thôn Định Thọ, thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa	3,0	Cấp mới
24	Số 87/GP-UBND	20/12/2016	Cát VLXD TT	Công ty cổ phần Lâm Đặc Sản	Thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An, huyện Phú Hòa	3,0	Cấp mới
25	Số 88/GP-UBND	20/12/2016	Đất san lấp	Công ty TNHH Huy Minh Tuấn	Thôn Thọ Vực, xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hòa	1,5	Cấp mới
26	Số 89/GP-UBND	20/12/2016	Cát VLXD TT	DNTN Vận tải Sanh Hồng	Thôn Liên Thạch, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa	5,3	Cấp mới
27	Số 90/GP-UBND	21/12/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Nhơn Phú	Thôn Liên Thạch, xã Hòa Phú, huyện Tây Hòa	4,0	Cấp mới
28	Số 91/GP-UBND	21/12/2016	Cát VLXD TT	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Nhơn Phú	Thôn Vĩnh Phú, xã Hòa An, huyện Phú Hòa	3,0	Cấp mới

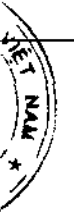
BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP TỈNH CẤP

(Kèm theo Báo cáo số: 9/BC-STNMT ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Giấy phép hoặc Văn bản cho phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích thăm dò (ha, km ²)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt (nghìn tấn, nghìn m ³)		Chi chú
						Cấp 121	Cấp 122	
1	78/QĐ-UBND	14/01/2016	Cát VLXD TT	0,75 ha	Thôn Suối Cối, xã Xuân Quang 1, huyện Đông Xuân		37.440 m ³	
2	253/QĐ-UBND	01/02/2016	Cát VLXD TT	1,0 ha	Thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu		123.708 m ³	
3	254/QĐ-UBND	01/02/2016	Cát VLXD TT	1,0 ha	Thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa		33.157 m ³	
4	477/QĐ-UBND	02/3/2016	Cát VLXD TT	1,0 ha	Thôn Phú Lễ, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa		26.613 m ³	
5	812/QĐ-UBND	12/4/2016	Cát VLXD TT	1,0 ha	Khu phố Long An, thị trấn La Hai, huyện Đông Xuân		34.250 m ³	
6	814/QĐ-UBND	12/4/2016	Cát VLXD TT	0,75 ha	Thôn Tân Phước, xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đông Xuân		24.656 m ³	
7	842/QĐ-UBND	19/4/2016	Đá ốp lát	2,07 ha	Hòn Gộp, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh	36.894 m ³	11.560 m ³	
8	854/QĐ-UBND	21/4/2016	Đất sét	20,8298 ha	Xã Hòa Tân Đông, huyện Đông Hòa	217.055 m ³		
9	1655/QĐ-UBND	21/7/2016	Cát VLXD TT	2,1 ha	Thôn Hòa Phú, xã Xuân Hòa, thị xã Sông Cầu		91.750 m ³	
10	2013/QĐ-UBND	24/8/2016	Cát VLXD TT	1,0 ha	Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn.		24.090 m ³	



					huyện Sơn Hòa		
11	2051/QĐ-UBND	30/8/2016	Cát VLXD TT	2,0 ha	Thôn Hà Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh		69.600 m ³
12	2806/QĐ-UBND	21/11/2016	Cát VLXD TT	2,0 ha	Thôn Đông Bình, xã Hòa An, huyện Phú Hòa		48.750 m ³
13	2983/QĐ-UBND	09/12/2016	Cát VLXD TT	2,0 ha	Thôn Mỹ Thạnh Tây, xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa		68.290m ³





SỔ LIỆU TỔNG HỢP VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Báo cáo số: 99 /BC-STNMT ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Loại khoáng sản	Số lượng khoáng sản nguyên khai (Tấn, m ³)	Khối lượng KS đã xuất khẩu (Tấn, m ³)	Tiền cấp quyền KTKS (đồng)	Tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (đồng)	Tổng doanh thu (đồng)	Thuế tài nguyên (đồng)	Thuế xuất khẩu KS (đồng)	Thuế thu nhập Doanh nghiệp (đồng)	Tiền ký quỹ phục hồi môi trường (đồng)	Phí bảo vệ môi trường (đồng)	Số lao động S.dụng (người)	Ghi chú
1	Cát VLXD TT	221.489 m ³				6.841.6800.000	1.263.800.000	0			386.802.505		
2	Đá VLXD TT	656.365.211 485.759				58.291.080.000	2.124.059.819	0			617.209.196		
3	Than bùn	200 tấn				447.050.000	9.800.000	0			1.200.000	15	
4	Đá ốp lát	10.969 m ³				13.075.107.037	1.147.558.500	0			140.930.000	124	
5	Diatomit	1.923,21 m ³				1.623.893.310	0	0			0	11	
6	Fluorit	0				0	0	0			0	0	
7	Nước khoáng	3,695 triệu lít				11.550.000.000	45.590.000	0			1.700.000	30	
8	Đất san lấp	100.000 m ³				3.000.0000.000	300.000.000				200.000.000		

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Báo cáo số: 9/BC-STNMT ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên Đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích	Trữ lượng (tấn, m ³)	Công suất
	1	2	3	4	5	6	7
I	Giấy phép Bộ cấp: 0						
II	Giấy phép Tỉnh cấp: 12 giấy phép						
1	Số: 01/GP-UBND ngày 05/01/2016	Đá chẻ	DNTN Xi nghiệp Xây dựng Hùng Sơn	Xã Hòa Xuân Đông, huyện Đông Hòa	1,5 ha	5.200 m ³	1.500m ³ đá nguyên khai/năm
2	Số: 02/GP-UBND ngày 07/01/2016	Đá chẻ	Hợp tác xã Khai thác đá chẻ Hòa Xuân	Xã Hòa Xuân Đông và xã Hòa Xuân Tây, huyện Đông Hòa	1,7414 ha	30.340 m ³	11.000m ³ đá nguyên khai/năm
3	Số: 06/GP-UBND ngày 01/02/2016	Cát VLXD TT	Công ty XD&TM Trần Đại	Thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa	1,05 ha	33.524 m ³	15.000m ³ nguyên khai/năm
4	Số: 08 GP-UBND ngày 15/02/2016	Đá ốp lát	Công ty cổ phần VLXD Phú Yên	Xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa	6,04ha	240.000 m ³ đá nguyên khối	8.000m ³ đá nguyên khối/năm
5	Số: 13 GP-UBND ngày 30/3/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại bảo Hiệp	Thôn Mỹ Long, xã An Dân, huyện Tuy An	1,0 ha	20.645 m ³	3.000m ³ /năm
6	Số: 14 GP-UBND ngày 30/3/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty Xây dựng Bình Minh (TNHH)	Thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa	1,0 ha	37.830 m ³	3.000m ³ /năm
7	Số: 15 GP-UBND ngày 14/4/2016	Cát VLXD thông thường	DNTN Xây dựng Tân Tín	Khu phố Đông Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa	1,0 ha	67.801,5 m ³	10.000m ³ /năm
8	Số: 16 GP-UBND ngày	Cát VLXD thông thường	DNTN Xây dựng Tân Tín	Thôn thành hội, xã Sơn Hà, huyện Sơn	1,0 ha	44.369,91m ³	10.000m ³ /năm



	14/4/2016			Hòa			
9	Số: 17/GP-UBND ngày 28/4/2016	Cát VLXD thông thường	HTX Nông nghiệp KDTH Đông Hòa An	Thôn Đông Bình, xã Hòa An, huyện Phú Hòa	1,0 ha	34.814,52 m ³	10.000m ³ /năm
10	Số: 21/GP-UBND ngày 27/5/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phú Hòa	Thôn Phong Niên, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa	1,0 ha	38.793 m ³	10.000m ³ /năm
11	Số: 22/GP-UBND ngày 09/6/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại Trung Tây Nguyên	Thôn Phú Lễ, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa	7,0 ha	148.882,15 m ³	20.000 m ³ /năm
12	Số: 24/GP-UBND ngày 09/6/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty TNHH 6 Nở	Khu phố 5, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa	2,0 ha	36.992 m ³	10.000 m ³ /năm
13	Số: 25/GP-UBND ngày 14/6/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty cổ phần Hồng Phúc	Xã Hòa An, huyện Phú Hòa	10 ha	196.677 m ³	15.000 m ³ /năm
14	Số: 38/GP-UBND ngày 16/8/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty TNHH Xây dựng Việt Phát Đạt	Thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu	01 ha	128.266 m ³	10.000 m ³ /năm
15	Số 42/GP-UBND ngày 25/8/2016	Cát VLXD thông thường	Hợp tác xã Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Nông nghiệp Thị trấn La Hai	Khu phố Long An, thị trấn La Hai, huyện Đông Xuân	1,5 ha	46.431 m ³	10.000 m ³ /năm
16	Số 54/GP-UBND ngày 24/10/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng An Thành Phát	Thôn Phú Lễ, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa	1,0 ha	31.137 m ³	10.000 m ³ /năm
17	Số 55/GP-UBND ngày 24/10/2016	Cát VLXD thông thường	DNTN Xây dựng Phong Phú Hòa	Thôn Phước Thành Đông, xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa	0,8 ha	33.377,76 m ³	10.000 m ³ /năm
18	Số 63/GP-UBND ngày 11/11/2016	Cát VLXD thông thường	Hợp tác xã khai thác vật liệu xây dựng thông thường Đồng Xuân	Thôn Tân Phước, xã Xuân Sơn Bắc, huyện Đông Xuân	0,75 ha	28.847 m ³	10.000 m ³ /năm
19	Số 75/GP-UBND ngày 12/12/2016	Cát VLXD thông thường	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Huy Phú	Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa	3.0 ha	101.104,38 m ³	10.000 m ³ /năm

